TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt T, bà Đỗ Thị Thu Hường
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh T, , tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị N H Đ, sinh năm 1998
2- Bị đơn: Anh N V V, sinh năm 1993
Đều có địa chỉ: khu xóm T, xã T, huyện K, tỉnh T.
(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

+ Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai ngày 09/6/2023 nguyên đơn chị N H Đ trình bày: Vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không ai bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh T ngày 04/7/2016. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ anh V một thời gian ngắn khoảng gần một năm tại khu xóm T, xã T, huyện K, tỉnh T. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thi thoảng cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Mâu thuẫn của vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau. Nay chị Đ xác định không còn tình cảm với anh V và đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh V để ổn định cuộc sống.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/7/2023 bị đơn là anh N V V trình bày: Quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị Đ trình bày. Nay chị Đ xin ly hôn anh V nhất trí với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ vì cố níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

*** Về con chung:** Hai bên đều trình bày, vợ chồng có 01 con chung là cháu N T T, sinh ngày 05/6/2016, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu T vẫn sống với chị Đ tại xã T, huyện K, tỉnh T.

Chị Đ có ý kiến: Chị xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Anh V có ý kiến: Anh nhất trí để chị Đ nuôi con chung vì cháu còn nhỏ và nhất trí với ý kiến không yêu cầu anh cấp dưỡng của chị Đ tuy nhiên khả năng kinh tế của anh có đến đâu thì anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho con.

*** Về tài sản chung, về nghĩa vụ chung về tài sản, về công sức:** Hai bên đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N H Đ và anh N V V.

2. Về con chung: Giao cho chị N H Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu N T T, sinh ngày 05/6/2016 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự Tc được. Anh N V V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N H Đ không yêu cầu.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N H Đ phải chịu 150.000đ (Một trăm năm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị N H Đ và anh N V V là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Bị đơn anh N V V có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện K, tỉnh T. Do vậy, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị N H Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh N V V. Anh V cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Chị Đ, anh V đều có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải về quan hệ hôn

nhân của vợ chồng, do đó Toà án không tiến hành hoà giải là phù hợp với khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự. đều có đơn đề nghị Toà án xét xử việc ly hôn của vợ chồng vắng mặt. Chị Đ và anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng là phù hợp.

[2]. Về ý kiến và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N H Đ và anh N V V đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy *" Chị N H Đ và anh N V V, đăng ký kết hôn ngày 04/7/2016 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình anh V tại khu xóm T, xã T, huyện K, tỉnh T. Quá trình chung sống của vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì khu dân cư và địa phương không biết rõ. Hiện tại chị Đ, anh V đã sống ly thân từ năm 2020 không còn sống với nhau trên thực tế cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh V không còn tồn tại. Nay anh chị Đ xin ly hôn anh V, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật".*

Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị N H Đ và anh N V V có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Đ xin ly hôn và anh V nhất trí là phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

[2.2]. Về con chung: Quá trình xác minh thể hiện con chung của vợ chồng còn nhỏ và kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung của vợ chồng vẫn sinh sống cùng với chị Đ tại xã T, huyện K, tỉnh T và anh N V V có ý kiến nhất trí để cho chị N H Đ nuôi con chung và nhất trí với ý kiến không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của vợ chồng là phù hợp với thực tế nuôi con chung và thực trạng chung sống của vợ chồng và để không làm sáo trộn ảnh hưởng tới việc ăn, ở sinh hoạt của con chung cũng như tâm lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao cháu T cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Về công sức: Quá trình giải quyết các đương sự đều trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị N H Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N H Đ và anh N V V.

[2]. Về con chung: Giao cho chị N H Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu N T T, sinh ngày 05/6/2016 kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự Tc được. Anh N V V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N H Đ không yêu cầu.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị N H Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008120 ngày 09/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự đều vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Thị Thảo

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm trọng hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo